

Hà Nội, ngày 01 ngày 02 năm 2018

BẢN TIN TUẦN

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CẤP
NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ DÂN SINH**

Lưu vực sông Cà Lồ - Ngũ Huyện Khê

(Tuần từ ngày 02/02/2018 đến ngày 08/02/2018)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

TT	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo lượng mưa từ ngày		
				Trung bình nhiều năm	Năm 2017	Năm 2016	02/02/2018	đến ngày	08/02/2018
1	Tam Đảo	15,8	2276,2	+ 18	+ 19,6	+ 44,5	có mưa, lượng mưa:		13 mm
2	Vĩnh Yên	3,1	1384,5	+ 14,5	-7,8	+ 39,6	có mưa, lượng mưa:		9,8 mm
3	Bến Hồ	3,0	1391,0	+ 21,5	+ 28,3	+ 49,6	có mưa, lượng mưa:		12 mm
4	Đáp Cầu	4,0	1417,1	+ 22,2	+ 13,1	+ 0,3	có mưa vừa, lượng mưa		13,3 mm
	Trung bình	3,3							

Nhận xét:

Trong tuần qua, trên toàn vùng có mưa với lượng mưa phổ biến từ 3-15,8 mm. Khu vực vùng núi huyện Tam Đảo tỉnh Vĩnh Phúc có mưa, với lượng đạt 15,8 mm, còn khu vực vùng đồng bằng lượng mưa xấp xỉ 3-4 mm. Lượng mưa tích lũy tại các trạm từ đầu vụ đến thời điểm phát bản tin đều cao hơn TBNN từ 14,5-22,2%. Dự báo trong tuần tới, do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc khô nên trong mấy ngày tới sẽ không có mưa, từ ngày 05/02/2018 toàn vùng sẽ có mưa nhỏ, với lượng mưa xấp xỉ từ 10-13 mm.

Dự báo trong tuần tới, do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc khô nên trong mấy ngày tới sẽ không có mưa, từ ngày 05/02/2018 toàn vùng sẽ có mưa nhỏ, với lượng mưa xấp xỉ từ 10-13 mm.

2. Nguồn nước trên hệ thống sông

2.1 Lượng nước đến từ thượng du

Tên trạm	Thuộc sông	Lưu lượng BQ tuần hiện tại (m ³ /s)	Lưu lượng BQ tuần tới (m ³ /s)	So sánh MNBQ tuần tới với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước đến so với TBNN
				TB nhiều năm	Năm 2016	Năm 2015	
Sơn Tây	Hồng	2477	2429	+ 91,6	+ 41,3	+ 17,5	Tăng
Thượng Cát	Đuống	841	838	+ 113,2	+ 16,8	+ 12,4	Tăng

2.2 Mực nước tại các trạm thủy văn

Tên trạm	Thuộc sông	Mực nước BQ tuần hiện tại (m)	Mực nước BQ tuần tới (m)	So sánh MNBQ tuần hiện tại với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước đến so với TBNN
				TB nhiều năm	Năm 2016	Năm 2015	
Bến Hồ	Đuống	0,90	1,02		+ 62,2	+ 24,4	
Đáp Cầu	Cầu	0,72	0,82		+ 33,6	+ 10,6	
Thượng Cát	Đuống	1,55	1,55		+ 18,2	+ 13,2	

3. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

3.1. Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy điện

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
			TBNN	2017	2016		
Hồ Sơn La	6.504	115,46		118,36	118,62	Giảm	
Hồ Hòa Bình	6.062	97,76		123,84	99,18	Giảm	
Hồ Thác Bà	2.160	98,98		152,25	152,06	Giảm	
Hồ Tuyên Quang	1.699	99,12		128,18	100,18	Giảm	
Tổng/ TB	16.425	102,83		130,65	115,76		

Nhận xét:

Hiện tại, dung tích các hồ chứa thủy điện ở thượng lưu gồm Sơn La, Hòa Bình, Thác Bà, Tuyên Quang đều xấp xỉ dung tích trữ thiết kế.

Dung tích trữ hiện tại so với dung tích thiết kế trung bình đạt: 102,83%

Các hồ đang thực hiện xả nước đợt II: từ 0h ngày 28/01 đến 24h ngày 04/02/2018.

3.2. Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

TT	Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2017	2016		
1	Hồ Đại Lải	25,40	78,63		28,39	-10,15	Tăng	82,46
2	Hồ Xạ Hương	12,73	81,27		88,38	33,87	Tăng	84,51
3	Hồ Thanh Lanh	10,62	71,65		24,58	-2,68	Giảm	76,02
	Tổng/ TB	48,75	77,18		47,12	7,01		81,00

- Hiện tại hầu hết các hồ chứa thủy lợi trong lưu vực đều tích gần đạt mực nước thiết kế.

- Tổng dung tích 3 hồ là 48,75 triệu m³

- Lượng trữ so với dung tích thiết kế chiếm 77,18%

- Dự báo đến cuối vụ các hồ đều đảm bảo cấp đủ nước tưới

3.3. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi (cống, trạm bơm)

TT	Tên công trình	Mực nước thiết kế (m)	Mực nước BQ tuần tới (m)	Mực nước MAX tuần tới (m)	Mực nước MIN tuần tới (m)	Dự báo xu thế nguồn nước đến so với thiết kế
1	TB Bạch Hạc	6,05	6,47	7,13	4,92	Tăng
2	TB Đại Định	5,57	6,00	6,59	4,68	Tăng
3	TB Ấp Bắc	2,80	2,30	2,91	1,02	Tăng
4	Cống Long Từu	2,58	1,68	2,34	0,51	Giảm
	Trung bình	4,25	4,12	4,74	2,78	

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

Thông tin khái quát về nhu cầu nước, nguồn nước trong giai đoạn dự báo

Thông tin công trình đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất trong giai đoạn dự báo

Thông tin công trình có mức đảm bảo cấp nước thấp và khuyến cáo tích nước hồ chứa, khuyến cáo phân phối nguồn nước khi xảy ra hạn hán, thiếu nước

Thông tin bảng biểu kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

a) Với công trình là các hồ chứa

TT	Tên công trình	Dung tích so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2017-2018			Ghi chú
				Dung tích cuối vụ so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	Hồ Đại Lải	78,63	1800	82	78,6	1.415	
2	Hồ Xạ Hương	81,27	840	76	81,3	683	
3	Hồ Thanh Lanh	71,65	1200	85	71,6	860	

b) Với công trình là các trạm bơm, cống tưới khu vực ít chịu ảnh hưởng thủy triều

	Tên công trình	Mức nước thiết kế (m)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo tuần tới			Ghi chú
				Mức nước so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	TB Bạch Hạc	6,05	6.400	20,17	100	6.400	Đủ nước
2	TB Đại Định	5,57	8.000	20,65	100	8.000	Đủ nước
3	TB Ấp Bắc	2,80	5.200	17,50	100	5.200	Đủ nước
4	Cống Long Từu	2,58	27.600	-7,75	92,25	25.460	Thiếu nước

Nhận xét và khuyến cáo:

Hầu hết các công trình đều đảm bảo cấp nước với diện tích đáp ứng 100%

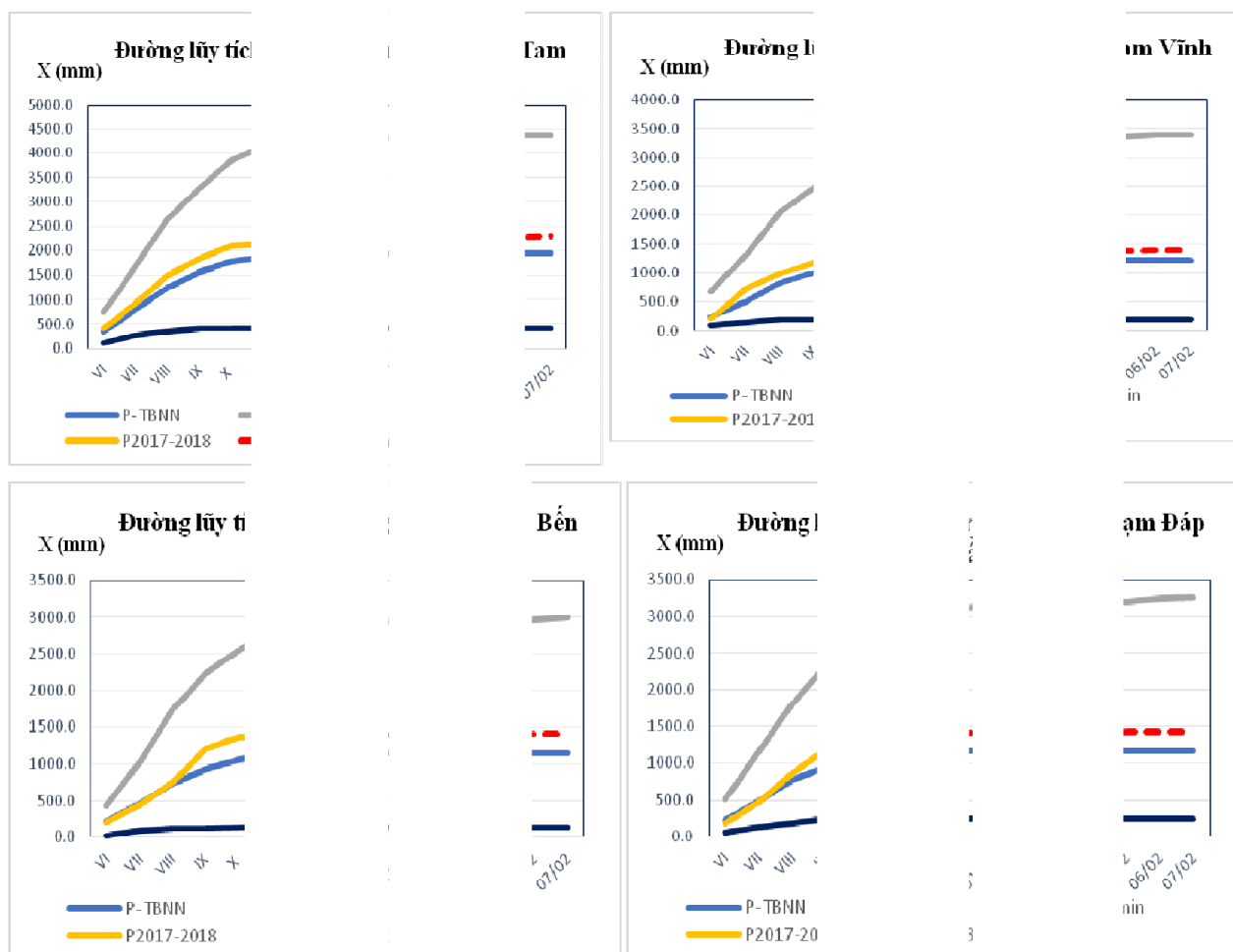
2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

TT	Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
				Năm Min	TBNN	Năm Max	
1	Tam Đảo		2289,2	+ 443,1	+ 18,1	-55,1	Rủi ro hạn thấp
2	Vĩnh Yên		1394,3	+ 601,4	+ 14,9	-63,6	Rủi ro hạn thấp
3	Bến Hồ		1403,0	+ 1011,7	+ 22,2	-60,7	Rủi ro hạn thấp
4	Đáp Cầu		1430,4	+ 512,9	+ 22,8	-63,4	Rủi ro hạn thấp

Nhận xét và khuyến cáo:

Nhận xét mưa tích lũy: Tổng lượng mưa hiện trạng và dự báo tính tới ngày 07/II/2018 tại các trạm mưa trong lưu vực phổ biến cao hơn TBNN từ 15 ~ 23 %.

Nhìn chung lượng mưa lũ năm 2018 khá lớn nên dự báo vụ Xuân 2018 sẽ không có khó khăn về nước, mức độ rủi ro hạn thấp.



3. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

TT	Huyện	Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế
I	Tỉnh Bắc Ninh	49.223	20.741	28.482	0	0	0	0	
1	TP. Bắc Ninh	5.981	2.512	3.469	0	0	0	0	
2	H. Yên Phong	10.529	4.991	5.538	0	0	0	0	
3	H. Quế Võ	17.908	7.000	10.908	0	0	0	0	
4	H. Tiên Du	9.952	4.035	5.917	0	0	0	0	
5	TX. Từ Sơn	4.853	2.203	2.650	0	0	0	0	
II	Tỉnh Vĩnh Phúc	72.184	24.200	47.984	0	0	0	0	

TT	Huyện	Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế
1	TP. Vĩnh Yên	3.296	1.400	1.896	0	0	0	0	
2	TX. Phúc Yên	5.335	1.900	3.435	0	0	0	0	
3	H. Tam Dương	10.362	3.300	7.062	0	0	0	0	
4	H. Tam Đảo	8.044	2.100	5.944	0	0	0	0	
5	H. Bình Xuyên	10.482	4.400	6.082	0	0	0	0	
6	H. Yên Lạc	15.079	4.700	10.379	0	0	0	0	
7	H. Vĩnh Tường	19.586	6.400	13.186	0	0	0	0	
III	Hà Nội	69.651	27.860	41.791	0	0	0	0	
1	H. Sóc Sơn	24.947	9.979	14.968	0	0	0	0	
2	H. Đông Anh	18.123	7.249	10.874	0	0	0	0	
3	H. Mê Linh	16.569	6.628	9.941	0	0	0	0	
4	H. Gia Lâm	10.012	4.005	6.007	0	0	0	0	
	Cộng	191.058	72.801	118.256	0	0	0	0	

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nguồn nước phục vụ sản xuất năm bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp. Để bảo đảm sử dụng hợp lý nguồn nước, cần thực hiện các giải pháp sau.

- Không cần chuyển đổi sản xuất, tuy nhiên cần trữ nước cho thời kỳ tưới dưỡng
- Sử dụng trạm bơm dã chiến để hỗ trợ: Bạch Hạc, Đại Định...

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào 08/02/2018